

QUYẾT ĐỊNH

**Về việc ban hành Quy chế tổ chức và hoạt động của
Quỹ phòng, chống thiên tai tỉnh Hà Nam**

CHỦ TỊCH ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH HÀ NAM

Căn cứ Luật Tổ chức Chính quyền địa phương ngày 19/6/2015;
Căn cứ Luật phòng, chống thiên tai số 33/2013/QH13 ngày 19/6/2013;
Căn cứ Nghị định số 94/2014/NĐ-CP ngày 17/10/2014 của Chính phủ quy định về thành lập và quản lý Quỹ phòng, chống thiên tai;

Căn cứ Nghị định số 83/2019/NĐ-CP ngày 12/11/2019 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 94/2014/NĐ-CP ngày 17/10/2014 của Chính phủ quy định về thành lập và quản lý Quỹ Phòng, chống thiên tai;

Căn cứ Quyết định số 1343/QĐ-UBND ngày 23/8/2017 của UBND tỉnh Hà Nam về việc thành lập Quỹ phòng, chống thiên tai tỉnh Hà Nam;

Xét đề nghị của Giám đốc Sở Nông nghiệp và PTNT tại Tờ trình số 52/TTr-SNN ngày 12 tháng 3 năm 2020,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Ban hành kèm theo Quyết định này Quy chế tổ chức và hoạt động của Quỹ phòng, chống thiên tai tỉnh Hà Nam.

Điều 2. Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày ký và thay thế Quyết định số 1625/QĐ-UBND ngày 02/10/2017 của UBND tỉnh Hà Nam.

Điều 3. Chánh văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh, Thủ trưởng các Sở, Ban, Ngành, đoàn thể của tỉnh; Chủ tịch Ủy ban nhân dân các huyện, thị xã, thành phố; Chủ tịch Ủy ban nhân dân các xã, phường, thị trấn; Thủ trưởng các cơ quan, đơn vị; Giám đốc các doanh nghiệp; các tổ chức và cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này. *lq*

Nơi nhận:

- Bộ Nông nghiệp & PTNT (để b/c);
- TT Tỉnh ủy, HĐND tỉnh (để b/c);
- Chủ tịch, các PCT UBND tỉnh;
- Như Điều 3;
- VPUB: LDVP, NC, NN, KT, TH, VX;
- Lưu VT.



Nguyễn Xuân Đông



QUY CHẾ

Tổ chức và hoạt động của Quỹ phòng, chống thiên tai tỉnh Hà Nam
(Ban hành kèm theo Quyết định số 519/QĐ-UBND ngày 23 tháng 3 năm 2020
của Ủy ban nhân dân tỉnh Hà Nam)

Chương I

NHỮNG QUY ĐỊNH CHUNG

Điều 1: Phạm vi điều chỉnh

Quy chế này quy định về đối tượng và mức đóng góp; quản lý và sử dụng Quỹ phòng, chống thiên tai tỉnh Hà Nam (sau đây viết tắt là Quỹ).

Điều 2: Đối tượng áp dụng

Quy chế này áp dụng đối với cơ quan, tổ chức, hộ gia đình, cá nhân Việt Nam; tổ chức, cá nhân nước ngoài, tổ chức quốc tế đang sinh sống, hoạt động hoặc tham gia phòng, chống thiên tai tại tỉnh Hà Nam.

Điều 3: Nguyên tắc hoạt động của Quỹ

1. Quỹ hoạt động không vì mục đích lợi nhuận.
2. Việc quản lý và sử dụng Quỹ phải đảm bảo đúng mục đích, kịp thời, công khai, minh bạch, công bằng và hiệu quả. Tồn Quỹ cuối năm được chuyển sang năm sau.

Chương II

TỔ CHỨC VÀ HOẠT ĐỘNG CỦA QUỸ PHÒNG, CHỐNG THIÊN TAI

Điều 4. Đối tượng và mức đóng góp

1. Các tổ chức kinh tế trong nước và nước ngoài trên địa bàn tỉnh:
Mức đóng góp bắt buộc một năm là hai phần vạn trên tổng giá trị tài sản hiện có tại Việt Nam theo báo cáo tài chính hàng năm nhưng tối thiểu 500 nghìn đồng, tối đa 100 triệu đồng và được hạch toán vào chi phí hoạt động sản xuất kinh doanh.
2. Người có hộ khẩu thường trú, tạm trú đang sinh sống và làm việc tại Hà Nam từ đủ 18 tuổi đến hết tuổi lao động theo quy định của pháp luật về lao động đóng góp như sau:
 - a) Cán bộ, công chức, viên chức trong các cơ quan, tổ chức, lực lượng vũ trang hưởng lương, cán bộ quản lý trong các doanh nghiệp nhà nước đóng 1 ngày lương/người/năm theo mức lương cơ bản sau khi trừ các khoản thuế, bảo hiểm phải nộp;

b) Người lao động trong các doanh nghiệp đóng 1 ngày lương/người/năm theo mức lương tối thiểu vùng;

c) Người lao động khác, trừ các đối tượng đã được quy định tại điểm a, điểm b Khoản này, đóng 15.000 đồng/người/năm.

3. Khuyến khích các tổ chức, cá nhân tham gia đóng góp tự nguyện cho Quỹ.

Điều 5. Đối tượng được miễn, giảm, tạm hoãn đóng góp

1. Đối tượng được miễn đóng góp Quỹ:

a) Thương binh, bệnh binh và những người được hưởng chính sách như thương binh;

b) Cha đẻ, mẹ đẻ, vợ hoặc chồng của liệt sỹ;

c) Quân nhân làm nghĩa vụ trong lực lượng vũ trang, hạ sĩ quan, chiến sĩ phục vụ có thời hạn trong Công an nhân dân đang hưởng phụ cấp sinh hoạt phí;

d) Sinh viên, học sinh đang theo học tập trung dài hạn tại các trường Đại học, Cao đẳng, Trung học, Dạy nghề;

đ) Người khuyết tật hoặc bị suy giảm khả năng lao động từ 21% trở lên; người mắc bệnh hiểm nghèo có chứng nhận của bệnh viện từ cấp huyện trở lên;

e) Người đang trong giai đoạn thất nghiệp hoặc không có việc làm từ 6 tháng trong 1 năm trở lên;

g) Thành viên hộ gia đình thuộc diện nghèo hoặc cận nghèo; thành viên thuộc hộ gia đình bị thiệt hại nặng nề do thiên tai, dịch bệnh, cháy nổ, tai nạn; thành viên thuộc hộ gia đình ở các xã đặc biệt khó khăn vùng bãi ngang ven biển, hải đảo, các xã khu vực III thuộc vùng dân tộc thiểu số và miền núi; đối tượng bảo trợ xã hội đang hưởng trợ cấp xã hội hàng tháng theo các quyết định của Thủ tướng Chính phủ, Nghị định của Chính phủ và các văn bản sửa đổi, bổ sung các văn bản nêu trên (nếu có).

h) Hợp tác xã không có nguồn thu;

i) Tổ chức kinh tế trong nước và nước ngoài trên địa bàn tỉnh trong năm bị thiệt hại do thiên tai gây ra về tài sản, nhà xưởng, thiết bị; phải tu sửa, mua sắm với giá trị lớn hơn hai phần vạn tổng giá trị tài sản của tổ chức hoặc phải ngừng sản xuất kinh doanh từ 5 ngày trở lên.

2. Đối tượng được giảm, tạm hoãn đóng góp: Tổ chức kinh tế trong nước và nước ngoài trên địa bàn tỉnh được miễn, giảm thuế thu nhập doanh nghiệp thì được xem xét giảm, tạm hoãn đóng góp Quỹ.

Mức giảm tối đa là 50% mức phải đóng góp của tổ chức kinh tế trong nước và nước ngoài trên địa bàn tỉnh được quy định tại Điều 4 Quy chế này; thời gian tạm hoãn đóng góp Quỹ tối đa là 01 năm.

Điều 6. Thảm quyền quyết định miễn, giảm, tạm hoãn và thời hạn được miễn, giảm, tạm hoãn

1. Ủy ban nhân dân tỉnh quyết định miễn, giảm, tạm hoãn đối với các đối tượng được quy định tại Điều 5 Quy chế này.

2. Việc xét miễn, giảm, tạm hoãn đóng góp Quỹ của địa phương được tiến hành mỗi năm một lần vào thời điểm giao chỉ tiêu kế hoạch thu Quỹ. Trường hợp miễn, giảm, tạm hoãn do thiệt hại thiên tai, tổ chức, cá nhân phải báo cáo thiệt hại và đề xuất chính quyền địa phương để tổng hợp gửi cơ quan có thẩm quyền xem xét miễn, giảm, tạm hoãn. Trường hợp đối tượng đã đóng góp tiền nộp vào Quỹ, nếu được xét miễn, giảm, tạm hoãn thì số tiền đã nộp được trừ vào số tiền đóng góp của năm sau.

Điều 7. Quản lý thu, kế hoạch thu nộp Quỹ

1. Thủ trưởng tổ chức kinh tế trong nước và nước ngoài trên địa bàn tỉnh có trách nhiệm nộp Quỹ theo định mức được quy định tại Khoản 1 Điều 4 Quy chế này chuyển vào tài khoản của cơ quan quản lý Quỹ của tỉnh hoặc tài khoản cấp huyện do Ủy ban nhân dân tỉnh ủy quyền.

2. Thủ trưởng cơ quan, tổ chức có trách nhiệm thu của cán bộ, công chức, viên chức, người lao động, cán bộ, nhân viên trong lực lượng vũ trang thuộc phạm vi quản lý và chuyển vào tài khoản của cơ quan quản lý Quỹ của tỉnh hoặc tài khoản cấp huyện do Ủy ban nhân dân tỉnh ủy quyền.

3. Ủy ban nhân dân xã, phường, thị trấn (*gọi chung là Ủy ban nhân dân cấp xã*) tổ chức thu của các đối tượng lao động khác trên địa bàn (*trừ các đối tượng đã thu tại Khoản 2 Điều này*) và nộp vào tài khoản cấp huyện do Ủy ban nhân dân tỉnh ủy quyền.

Việc thu bằng tiền mặt phải có chứng từ theo mẫu của Bộ Tài chính.

4. Ủy ban nhân dân huyện, thị xã, thành phố (*gọi chung là Ủy ban nhân dân cấp huyện*) giao phòng Tài chính chủ trì phối hợp với Phòng Nông nghiệp và Phát triển nông thôn (*Phòng Kinh tế*) và đơn vị liên quan đôn đốc đối với các tổ chức, doanh nghiệp, Ủy ban nhân dân cấp xã thu Quỹ để nộp vào tài khoản của cơ quan quản lý Quỹ của tỉnh.

5. Thời hạn nộp Quỹ: Đối với cá nhân nộp một lần trước ngày 30/5 hàng năm; đối với tổ chức kinh tế trong nước và nước ngoài trên địa bàn tỉnh nộp tối thiểu 50% số phải nộp trước 30/5, số còn lại nộp trước ngày 30/10 hàng năm.

6. Thủ trưởng cơ quan, tổ chức và Ủy ban nhân dân cấp xã căn cứ đối tượng, mức đóng góp thuộc phạm vi quản lý, xem xét các đối tượng được miễn, giảm, tạm hoãn để xây dựng kế hoạch thu của cơ quan, đơn vị và địa phương, báo cáo Ủy ban nhân dân cấp huyện.

7. Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp huyện căn cứ kế hoạch thu của các cơ quan, tổ chức và Ủy ban nhân dân các xã trực thuộc; xem xét các đối tượng

miễn, giảm, tạm hoãn, tổng hợp kế hoạch thu Quỹ của huyện báo cáo cơ quan quản lý Quỹ tỉnh.

8. Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh hướng dẫn việc lập, phê duyệt, thông báo kế hoạch thu Quỹ đối với từng cơ quan, đơn vị có liên quan; Cục thuế Hà Nam, Chi cục thuế các huyện, thành phố (Kim Bảng, Phủ Lý), Chi cục thuế khu vực (Thanh Liêm, Bình Lục và Duy Tiên, Lý Nhân) có trách nhiệm phối hợp trong việc hỗ trợ thu quỹ, lập kế hoạch thu Quỹ và cung cấp thông tin tổng giá trị tài sản hiện có tại Việt Nam theo báo cáo tài chính năm gần nhất với năm thu Quỹ đối với các tổ chức kinh tế trong nước và nước ngoài trên địa bàn cho cơ quan quản lý Quỹ của tỉnh và của các huyện, thị xã, thành phố.

9. Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn (Cơ quan quản lý Quỹ) chủ trì phối hợp với các Sở, ngành và Ủy ban nhân dân các huyện, thị xã, thành phố tổng hợp trình Ủy ban nhân dân tỉnh xét duyệt cho các đối tượng được miễn, giảm, tạm hoãn đóng góp và giao chỉ tiêu thu Quỹ đối với các cơ quan, đơn vị, các huyện, thị xã, thành phố vào Quý I hàng năm.

Điều 8. Nội dung chi của Quỹ

1. Chi hỗ trợ các hoạt động phòng, chống thiên tai và ưu tiên hỗ trợ cho các hoạt động quy định tại điểm a, b, c khoản 3 Điều 10 Luật Phòng, chống thiên tai và các hoạt động sau đây:

a) Cứu trợ, hỗ trợ khắc phục hậu quả thiên tai: Cứu trợ khẩn cấp về lương thực, nước uống, thuốc chữa bệnh và các nhu cầu cấp thiết khác cho đối tượng bị thiệt hại do thiên tai; hỗ trợ tu sửa nhà ở, cơ sở y tế, trường học, xử lý vệ sinh môi trường vùng thiên tai, tu sửa nhà sơ tán phòng tránh thiên tai; tháo bỏ hạng mục, vật cản gây nguy cơ rủi ro thiên tai; tu sửa, xử lý khẩn cấp đê, kè, cống và công trình phòng chống thiên tai được hỗ trợ kinh phí tối đa không quá 3 tỷ đồng/1 công trình.

b) Hỗ trợ các hoạt động ứng phó thiên tai: Sơ tán dân khỏi nơi nguy hiểm; chăm sóc y tế; thực phẩm, nước uống cho người dân nơi sơ tán đến; hỗ trợ quan trắc, thông tin, thông báo, cảnh báo thiên tai tại cộng đồng; tuần tra, kiểm tra phát hiện khu vực nguy cơ xảy ra rủi ro thiên tai, sự cố công trình phòng chống thiên tai.

c) Hỗ trợ các hoạt động phòng ngừa: Xây dựng và phổ biến tuyên truyền kiến thức pháp luật; lập, rà soát kế hoạch phòng, chống thiên tai; tổ chức tập huấn, nâng cao nhận thức cho các lực lượng tham gia công tác phòng chống thiên tai các cấp ở địa phương và cộng đồng; diễn tập phòng, chống thiên tai ở các cấp; tập huấn và duy trì hoạt động cho các đối tượng tham gia hộ đê, lực lượng quản lý đê nhân dân, lực lượng xung kích phòng, chống thiên tai cấp xã.

2. Hỗ trợ chi thù lao cho lực lượng trực tiếp thu và các chi phí hành chính phát sinh liên quan đến công tác thu Quỹ nhưng không vượt quá 3% tổng số thu.

3. Được điều chuyển để hỗ trợ các tỉnh khác bị thiệt hại do thiên tai vượt quá khả năng khắc phục của địa phương đó.

(Chi tiết nội dung chi của Quỹ tại Phụ lục kèm theo Quy chế này)

Điều 9. Phân bổ Quỹ

Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh phân cấp và giao Ủy ban nhân dân cấp huyện, xã sử dụng nguồn thu từ Quỹ phòng, chống thiên tai của tỉnh theo nội dung chi của Quỹ tại khoản 1 Điều 8 của Quy chế, tối đa không quá 20% số thu trên địa bàn cấp huyện, xã để thực hiện các nhiệm vụ phòng, chống thiên tai ở cấp của mình.

Điều 10. Thẩm quyền chi Quỹ

1. Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp tỉnh, huyện, xã quyết định mức chi và nội dung chi cho các đối tượng theo đề nghị của Ban Chỉ huy phòng, chống thiên tai và Tìm kiếm cứu nạn cùng cấp.

2. Ban chỉ huy phòng, chống thiên tai và tìm kiếm cứu nạn tỉnh có trách nhiệm tổng hợp thiệt hại và nhu cầu hỗ trợ của Ủy ban nhân dân các huyện, thị xã, thành phố, các cơ quan, tổ chức liên quan; đề xuất mức chi, trình Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh quyết định.

3. Căn cứ vào số thu Quỹ thực tế, Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp tỉnh quyết định việc xuất Quỹ hỗ trợ cho các địa phương khác.

Điều 11. Báo cáo, phê duyệt quyết toán

1. UBND các huyện, thành phố có trách nhiệm kiểm tra, lập báo cáo kết quả thực hiện và quyết toán thu, chi chi tiết theo từng nội dung của năm hiện tại gửi Cơ quan quản lý Quỹ (*Sở Nông nghiệp và phát triển nông thôn*) vào Quý I năm sau. Sở Nông nghiệp và phát triển nông thôn có trách nhiệm tổng hợp báo cáo kết quả thực hiện và quyết toán thu, chi gửi Sở Tài chính thẩm định để trình Ủy ban nhân dân tỉnh phê duyệt theo quy định; tham mưu Ủy ban nhân dân tỉnh báo cáo kết quả thu, chi Quỹ hàng năm với Ban Chỉ đạo Trung ương về phòng, chống thiên tai, Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn và Bộ Tài chính.

2. Quỹ thực hiện chế độ kế toán theo quy định của pháp luật về kế toán hiện hành và hướng dẫn của Bộ Tài chính.

Điều 12. Thanh tra, kiểm toán, giám sát hoạt động Quỹ

1. Quỹ phòng, chống thiên tai chịu sự kiểm tra, thanh tra, kiểm toán của các cơ quan nhà nước theo quy định.

2. Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh chỉ đạo các cơ quan, ban ngành liên quan kiểm tra, giám sát hoạt động của Quỹ; Có biện pháp đôn đốc các cơ quan, tổ chức, cá nhân thực hiện nghiêm túc trách nhiệm, nghĩa vụ nộp Quỹ theo quy định của pháp luật.

3. Ủy ban Mặt trận tổ quốc tỉnh Hà Nam, các tổ chức thành viên, các Hội có liên quan đến Quỹ được quyền yêu cầu cung cấp thông tin về Quỹ và thực hiện quyền giám sát thông qua các ý kiến đề xuất, phản biện theo quy định.

Điều 13. Công khai nguồn thu, chi Quỹ

1. Cơ quan, đơn vị, tổ chức phải công khai danh sách thu, nộp Quỹ của cá nhân cán bộ, công chức, viên chức, người lao động.

Hình thức công khai: Thông báo bằng văn bản, niêm yết tại đơn vị; công bố tại hội nghị cán bộ, công chức, viên chức, người lao động của đơn vị. Thời điểm công khai chậm nhất 30 ngày, kể từ ngày hoàn thành công việc thu nộp.

2. Cấp xã phải công khai kết quả thu nộp, danh sách người lao động đã đóng Quỹ trên địa bàn xã; tổng kinh phí được cấp cho công tác phòng, chống thiên tai và nội dung chi.

Hình thức công khai: Báo cáo giải trình công khai tại cuộc họp tổng kết hàng năm; niêm yết tại trụ sở Ủy ban, Trung tâm văn hóa các thôn và thông báo trên phương tiện truyền thanh xã. Thời điểm công khai chậm nhất 30 ngày, kể từ ngày hoàn thành công việc thu nộp.

3. Cơ quan quản lý Quỹ công khai kết quả thu, danh sách và mức thu đối với từng cơ quan, tổ chức, đơn vị và từng huyện, thị xã, thành phố.

Hình thức công khai: Niêm yết tại trụ sở Quỹ; thông báo bằng văn bản tới cơ quan, tổ chức đóng góp Quỹ; công khai trên website (nếu có) của cơ quan quản lý Quỹ.

Điều 14. Trách nhiệm của Ủy ban nhân dân các cấp, Ban chỉ huy phòng, chống thiên tai và tìm kiếm cứu nạn tỉnh và các Sở, ngành liên quan

1. Ủy ban nhân dân tỉnh có trách nhiệm tổ chức thực hiện việc thu, chi Quỹ; chỉ đạo việc thanh tra, kiểm tra, giám sát hoạt động Quỹ; chỉ đạo việc công khai Quỹ theo quy định của Quy chế này và các quy định của pháp luật liên quan.

2. Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp huyện, cấp xã trong tỉnh; Thủ trưởng các cơ quan, tổ chức có trách nhiệm tổ chức thu, nộp Quỹ theo quy định tại Điều 7 quy chế này.

3. Ban chỉ huy Phòng chống thiên tai và tìm kiếm cứu nạn tỉnh chỉ đạo Sở Nông nghiệp và phát triển nông thôn phối hợp với các Sở: Tài chính, Kế hoạch và Đầu tư và các cơ quan liên quan kiểm tra, đôn đốc việc thực hiện Quy chế này; hàng năm tổng hợp kết quả thực hiện Quỹ báo cáo Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh.

Điều 15. Nghĩa vụ của tổ chức kinh tế trong nước và nước ngoài trên địa bàn tỉnh và cá nhân có nghĩa vụ đóng góp Quỹ.

Tổ chức kinh tế trong nước và nước ngoài trên địa bàn tỉnh và cá nhân quy định tại Điều 4 Quy chế này có nghĩa vụ đóng góp cho Quỹ theo quy định.

Chương III
ĐIỀU KHOẢN THI HÀNH

Điều 16. Khen thưởng và xử lý vi phạm

1. Tổ chức, cá nhân có thành tích trong việc xây dựng, quản lý và đóng góp Quỹ được khen thưởng theo chế độ chung của nhà nước.
2. Tổ chức, cá nhân không chấp hành đầy đủ nghĩa vụ đóng góp Quỹ thì phải truy nộp theo quy định của pháp luật.
3. Người được giao nhiệm vụ thu - nộp, quản lý và sử dụng Quỹ mà vi phạm các quy định trên thì tùy theo tính chất và mức độ vi phạm sẽ bị xử lý kỷ luật hoặc truy cứu trách nhiệm hình sự, nếu gây thiệt hại về vật chất thì phải bồi thường theo quy định của pháp luật.

Điều 17. Trách nhiệm thi hành

Thủ trưởng các Sở, ban, ngành, đơn vị, đoàn thể của tỉnh, Chủ tịch Ủy ban nhân dân huyện, thị xã, thành phố, Chủ tịch ủy ban nhân dân xã trong tỉnh, Thủ trưởng các cơ quan, tổ chức và các cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quy chế này.

Trong quá trình thực hiện, nếu có khó khăn, vướng mắc, các cơ quan, đơn vị, cá nhân phản ánh về Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn để tổng hợp, bổ sung chỉnh sửa, báo cáo Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh xem xét, giải quyết. /*27*



CHỦ TỊCH

Nguyễn Xuân Đông



NỘI DUNG CHI, MỨC CHI QUỸ PHÒNG CHỐNG THIÊN TAI TỈNH HÀ NAM

(Kèm theo Quy chế tổ chức và hoạt động của Quỹ phòng chống thiên tai tỉnh Hà Nam được ban hành theo Quyết định số 574/QĐ-UBND ngày 23 tháng 3 năm 2020 của UBND tỉnh Hà Nam)

				Đơn vị: Đồng
TT	Nội dung chi	Đơn vị	Mức chi	Ghi chú
I	Cứu trợ, hỗ trợ khắc phục hậu quả thiên tai			
1	Cứu trợ khẩn cấp về lương thực	Người/tháng	15kg gạo	Mức chi thực hiện theo quy định tại Nghị định số 136/2013/NĐ-CP ngày 21/10/2013 của Chính phủ, thời gian cứu trợ không quá 03 tháng cho mỗi đợt trợ giúp
2	Cứu trợ khẩn cấp về nước uống, thuốc chữa bệnh và các nhu cầu cấp thiết khác	Người/đợt	300.000	Mức chi thực hiện theo đơn giá hiện hành tối đa không quá 300.000 đồng/người/đợt
3	Hỗ trợ về Người			
3.1	Hộ gia đình có người chết do thiên tai	Người	5.400.000	Mức chi thực hiện theo quy định tại Nghị định số 136/2013/NĐ-CP ngày 21/10/2013 của Chính phủ
3.2	Hộ gia đình có người bị thương nặng do thiên tai	Người	2.700.000	
3.3	Cơ quan, tổ chức, cá nhân đứng ra mai táng cho người chết do thiên tai không phải địa bàn cấp xã nơi cư trú của người đó	Người	8.100.000	
3.4	Người gặp rủi ro ngoài vùng cư trú bị thương nặng, gia đình không biết để chăm sóc	Người	2.700.000	
4	Hỗ trợ tu sửa nhà ở			
4.1	Hộ gia đình có nhà bị đổ, sập, trôi, cháy, hỏng nặng	1 nhà/hộ	15.000.000	Mức chi thực hiện theo quy định tại Nghị định số 136/2013/NĐ-CP ngày 21/10/2013 của Chính phủ (Chỉ tính nhà ở chính, không tính công trình phụ như: nhà bếp, nhà xưởng, nhà cho thuê...)
4.2	Hộ gia đình có nhà bị hỏng hoàn toàn	1 nhà/hộ	20.000.000	
4.3	Hộ gia đình phải di dời nhà ở khẩn cấp do nguy cơ sạt lở đất, ngập lụt	1 nhà/hộ	20.000.000	
5	Hỗ trợ xử lý vệ sinh môi trường vùng thiên tai	Xã	10.000.000	Mức chi căn cứ theo nhu cầu và tình hình thực tế của địa phương tối đa không quá 10.000.000 đồng/xã

TT	Nội dung chi	Đơn vị	Mức chi	Ghi chú
6	Hỗ trợ tu sửa các công trình bị thiệt hại do thiên tai: Cơ sở y tế, trường học, nhà sơ tán phòng tránh thiên tai, tháo bỏ hạng mục, vật cản gây nguy cơ rủi ro thiên tai tu sửa, xử lý khẩn cấp đê, kè, cống và công trình phòng chống thiên tai	Công trình		Mức chi căn cứ theo tình hình thực tế bị thiệt hại của các công trình, tối đa không quá 3 tỷ đồng/1 công trình.
II Hỗ trợ các hoạt động ứng phó thiên tai				
1	Sơ tán dân khỏi nơi nguy hiểm	Hộ/ngày	300.000	Mức chi căn cứ theo tình hình thực tế tại địa phương tối đa không quá 300.000 đồng/hộ/ngày và 05 ngày/đợt
2	Chăm sóc y tế, thực phẩm, nước uống cho người dân nơi sơ tán đến	Người/ngày	50.000	Mức chi căn cứ theo tình hình thực tế tại địa phương tối đa không quá 50.000 đồng/người/ngày và 10 ngày/đợt
3	Tuần tra, kiểm tra phát hiện khu vực nguy cơ xảy ra rủi ro thiên tai, sự cố công trình phòng chống thiên tai	Người/lần tuần tra, kiểm tra	Hỗ trợ bằng 0,1 lần mức lương cơ sở; nếu làm nhiệm vụ từ 22h ngày hôm trước đến 06h sáng ngày hôm sau được tính gấp đôi	Mức chi căn cứ theo Nghị định 30/2017/NĐ-CP của Chính phủ (chi hỗ trợ cho người không hưởng lương từ ngân sách nhà nước trong thời gian thực hiện nhiệm vụ theo quyết định của cấp có thẩm quyền)
4	Hỗ trợ quan trắc, thông tin, thông báo, cảnh báo thiên tai tại cộng đồng			
4.1	Lắp đặt trạm đo mưa chuyên dùng (đo mưa tự động)	Trạm		Mức chi theo dự toán được duyệt
4.2	Thuê bao dịch vụ trạm đo mưa chuyên dùng	Trạm		
4.3	Xây dựng trạm đo mực nước	Trạm		
4.4	Lắp đặt loa phát thanh	Cái		
III Hỗ trợ các hoạt động phòng ngừa thiên tai				

TT	Nội dung chi	Đơn vị	Mức chi	Ghi chú
1	Xây dựng và phổ biến tuyên truyền kiến thức pháp luật			
1.1	Xây dựng bản tin, phóng sự, các tiết mục văn nghệ, tờ rơi, băngzôn, phướn, pano, apphich, đĩa... tuyên truyền về phòng chống thiên tai trên các phương tiện thông tin đại chúng, tại các nơi công cộng...	Hàng năm		Mức chi theo dự toán được duyệt
1.2	Tổ chức mít tinh kỷ niệm tuần lễ Quốc gia Phòng chống thiên tai 15-22/5	Hàng năm		
1.3	Triển khai Đề án nâng cao nhận thức cộng đồng và quản lý rủi ro thiên tai dựa vào cộng đồng của tỉnh	Hàng năm		
2	Lập, rà soát kế hoạch phòng, chống thiên tai; phương án ứng phó với các loại hình thiên tai theo cấp độ rủi ro thiên tai	Hàng năm		
3	Tổ chức tập huấn, nâng cao nhận thức cho các lực lượng tham gia công tác phòng chống thiên tai các cấp ở địa phương và cộng đồng	Hàng năm (lớp tập huấn)		
4	Tổ chức diễn tập phòng, chống thiên tai ở các cấp	Hàng năm		
5	Tập huấn và duy trì hoạt động cho các đối tượng tham gia hộ đê, lực lượng quản lý đê nhân dân, lực lượng xung kích phòng, chống thiên tai cấp xã	Hàng năm		
IV	Hỗ trợ chi thù lao cho người trực tiếp đi thu và các chi phí hành chính phát sinh liên quan đến công tác thu Quỹ			

TT	Nội dung chi	Đơn vị	Mức chi	Ghi chú
1	Chi thù lao cho người trực tiếp đi thu Quỹ		Mức chi tùy theo tình hình thực tế công việc	Tổng mức chi thù lao cho người trực tiếp đi thu Quỹ; phụ cấp thành viên Ban quản lý Quỹ và chi phí hành chính phát sinh không vượt quá 3% tổng số thu của mỗi cấp
2	Phụ cấp kiêm nhiệm thành viên Ban quản lý Quỹ hoạt động theo chế độ kiêm nhiệm		Mức chi phụ cấp kiêm nhiệm quản lý Quỹ 1 tháng cho 1 thành viên Ban quản lý Quỹ bằng 10% tiền lương và phụ cấp lương 1 tháng của thành viên đó	
3	Các chi phí hành chính phát sinh (Mua sắm trang thiết bị văn phòng, giấy, tem, phong bì...; công tác phí đi kiểm tra công tác thu, nộp Quỹ, kiểm tra việc sử dụng Quỹ tại các địa phương, đơn vị trong tỉnh)		Mức chi tùy theo tình hình thực tế công việc	
V	Điều chuyển để hỗ trợ các địa phương khác bị thiệt hại do thiên tai vượt quá khả năng khắc phục của địa phương		Mức chi căn cứ theo tình hình thực tế Chủ tịch UBND tỉnh Quyết định	

Ghi chú: Nguyên tắc hỗ trợ thiệt hại:

- Chi hỗ trợ cho các đơn vị, địa phương đã chủ động khắc phục, hỗ trợ cho các đối tượng bị thiệt hại nhưng vượt quá khả năng cân đối ngân sách của đơn vị, địa phương.
- Chi thực hiện hỗ trợ cho các đối tượng chưa được hỗ trợ theo các quy định hiện hành khác của Nhà nước. Trong trường hợp có nhiều cơ chế, chính sách hỗ trợ cùng một nội dung, đối tượng đó chỉ được nhận hỗ trợ một chính sách phù hợp nhất.